

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-11-2017.

Về viêc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hương Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 290/2017/TLST-DS ngày 11/7/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà THT, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 20/19, tổ 2, khu phố P H, phường T, thị xã T U, tỉnh B D, có mặt.

***2. Bị đơn:*** Ông NTB, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 25, khu phố B H, phường A, thị xã T U, tỉnh B D, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà THT trình bày:

Bà T và ông NTB tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ngày 26/6/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà của cha mẹ bà T tại phường T, thị xã T U, tỉnh B D. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B không lo làm ăn, bà T khuyên ông B nhưng ông B không nghe mà còn đập phá đồ đạc trong nhà. Ông B thường xuyên gây gỗ, đánh đập bà T và không quan tâm đến con cái. Bà T với ông B đã ly thân khoảng 03 lần. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông NTB.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà T và ông B có 02 con chung tên NTK, sinh ngày 07/9/2004 và NBT, sinh ngày 27/10/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/tháng/1 cháu), cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản sao giấy khai sinh mang tên NTK và NBT; bản sao giấy đăng ký kết hôn của ông B và bà T; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên THT và NTB; 05 tấm hình thể hiện ông B đánh bà T.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Bị đơn ông NTB được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/8/2017, 11/9/2017; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa ngày 12/10/2017 và 07/11/2017 nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông B; giao con chung là cháu NTK và NBT cho bà T nuôi dưỡng; ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu (2.000.000 đồng/tháng/2 cháu) cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt bị đơn ông NTB: Ông B đã được Tòa án triệu tập 2 lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập 2 lần tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà THT và ông NTB là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số 01/2003 ngày 26/6/2003, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T xác định quá trình chung sống, ông B không lo làm ăn, hay gây gổ đánh bà T. Bà T và ông B đã ly thân nhiều lần; ông B đã được Tòa án triệu tập họp lẽ để hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông B không có ý kiến và không đến Tòa để làm việc, điều này cho thấy ông B hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông B là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung tên NTK, sinh ngày 07/9/2004 và NBT, sinh ngày 27/10/2014. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/tháng/1cháu) cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi.

Bà T cho rằng từ khi bà với ông B sống ly thân thì bé K và bé T sống chung với bà T, ông B không nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con. Biên bản xác minh ngày 03/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường A thì đại diện địa phương cho biết không nhận được thông tin và thư phản ánh về tình trạng hôn nhân của bà T với ông B; ông B không có ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để giải quyết.

Hiện các con được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển tốt. Bản tự khai ngày 01/11/2017, cháu K hiện 13 tuổi có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, việc giao con cho bà T nuôi dưỡng là đảm bảo việc học hành, phát triển và ổn định của cháu K và cháu T. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu mà bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Áp dụng:**

- Các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà THT về việc xin ly hôn với ông NTB như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà THT được ly hôn với ông NTB.
- Về con chung: Giao cháu NTK, sinh ngày 07/9/2004 và NBT, sinh ngày 27/10/2014 cho bà THT trực tiếp nuôi dưỡng, ông NTB phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/tháng/1cháu) cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà THT và ông NTB đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

## 2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà THT phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí giải quyết ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013094, ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Ông NTB phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà THT có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông NTB vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- UBND phường A, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bích Huế**